

**ĐẠI HỌC SÀI GÒN KHOA
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN BỘ
MÔN KẾ TOÁN**

**HỆ THỐNG
CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM VÀ BÀI TẬP**

NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Biên soạn:

TS. NGUYỄN ANH HIỀN

Ths. HUỖNH VŨ BẢO TRÂM

Ths. TRƯƠNG VĂN KHÁNH

Ths. HÀ HOÀNG NHƯ

Ths. HỒ XUÂN HỮU

CH. NGUYỄN C THANH HƯƠNG

Năm 2011

PHẦN 2: BÀI TẬP

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN

Bài 1: Công ty NAH có tình hình tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/201x như sau (Đơn vị tính: triệu đồng):

Nguồn vốn kinh doanh	3.600
Vay ngắn hạn ngân hàng	550
Quỹ đầu tư phát triển	300
Tài sản cố định hữu hình	3300
Nguyên vật liệu	600
Tiền mặt	200
Tiền gửi ngân hàng	375
Phải thu khách hàng	350
Phải trả khác	150
Công cụ dụng cụ	100
Phải trả người bán	250
Tạm ứng cho nhân viên	25
Sản phẩm dở dang	500
Lợi nhuận chưa phân phối	150
Quỹ dự phòng tài chính	450

Yêu cầu:

1. Phân loại tài sản và nguồn vốn của công ty NAH.
2. Tính các chỉ tiêu sau: Tổng tài sản, tổng nguồn vốn, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu.

Bài 2: Số liệu về tài sản và nguồn vốn của công ty NXT vào đầu năm 201x như sau (đơn vị tính: triệu đồng):

Nguồn vốn kinh doanh	900
Nguồn vốn đầu tư xây dựng	50
Nhà xưởng	90
Phải thu khác	10
Tiền nộp ký quỹ	22
Thiết bị văn phòng	100
Lợi nhuận chưa phân phối	15

Tiền mặt	13
Thuế phải nộp Nhà nước	18
Máy móc	500
Nguyên vật liệu	100
Tạm ứng cho nhân viên	1
Tiền gửi ngân hàng	100
Văn phòng làm việc	90
Công cụ dụng cụ	20
Phải trả người lao động	6
Vay dài hạn	60
Hàng hóa tồn kho	20
Thành phẩm tồn kho	20
Phải trả khác	5
Quỹ đầu tư phát triển	10
Phải trả người bán	10
Quỹ dự phòng tài chính	20
Phải thu khách hàng	15
Vay ngắn hạn	20
Sản phẩm dở dang	15
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2

Yêu cầu:

1. Phân loại tài sản và nguồn vốn của công ty NAH.
2. Xác định: Tổng tài sản, Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu.

Bài 3: Công ty XYZ được thành lập với sự tham gia góp vốn của 3 thành viên X, Y và Z. Tại thời điểm bắt đầu hoạt động các thành viên góp vốn như sau (đơn vị tính: triệu đồng):

1. Thành viên X:

- Hàng hóa:	100
- Nguyên vật liệu:	250
- Tiền mặt:	120
- Máy photocopy:	50

2. Thành viên Y:

- Tiền mặt: 100
- Ô tô: 500

Đồng thời công ty chấp nhận trả nợ thay thành viên Y một khoản vay ngân hàng ngắn hạn là 100

3. Thành viên Z:

- Nhà làm trụ sở: 2.000
- Thiết bị sản xuất: 1.000

Đồng thời công ty chấp nhận trả nợ thay cho thành viên Z một khoản vay dài hạn ngân hàng là 1.200

Yêu cầu: Cho biết các chỉ tiêu tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công ty XYZ khi mới thành lập. Xác định vốn chủ sở hữu của từng thành viên.

Bài 4: Vận dụng phương trình kế toán để trả lời các câu hỏi sau:

a. Tài sản của công ty ABC là 650.000, vốn chủ sở hữu là 360.000. Nợ phải trả của công ty là bao nhiêu?

b. Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công ty NAH lần lượt là 95.000 và 32.000. Tài sản của công ty là bao nhiêu?

c. Nợ phải trả của công ty NXN bằng 1/3 tổng tài sản, vốn chủ sở hữu là 120.000. Xác định nợ phải trả của công ty.

d. Vào đầu năm, tài sản của công ty NTA là 220.000 và vốn chủ sở hữu là 100.000. Trong năm tài sản tăng 60.000 và nợ phải trả giảm 10.000. Xác định vốn chủ sở hữu của công ty vào cuối năm.

Bài 5: Vận dụng các nguyên tắc kế toán đã được học, bạn hãy trả lời các tình huống sau đây. Cho biết nguyên tắc kế toán nào được bạn vận dụng trong mỗi tình huống.

a. Bạn hoàn tất việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng và đã gửi hóa đơn đến cho khách hàng

trong năm 2010 nhưng sẽ thu tiền trong năm 2011. Đây có phải là doanh thu của năm 2010 không? Tại sao?

b. Công ty NTA mua 50 laptop để bán, giá mua là 12 triệu đồng/cái, giá sẽ bán là 14 triệu đồng/cái. Lô hàng này sẽ được phản ánh trên sổ kế toán với giá trị là bao nhiêu?

c. Năm 2009, Công ty NAH mua một ô tô chở hàng với giá 1.200 triệu đồng. Vào cuối năm 2010 giá ô tô này trên thị trường là 1.300 triệu đồng. Công ty có phải điều chỉnh lại giá trị ô tô tại thời điểm cuối năm 2010 không?

d. Công ty NXN mua một thiết bị sản xuất với giá trị là 2.000 triệu đồng.

Thiết bị này có thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm. Hàng năm, kế toán sẽ ghi nhận giá trị của thiết bị này vào chi phí kinh doanh của công ty là bao nhiêu?

e. Trong tháng 9/2011 ViệtNam Airlines bán được rất nhiều vé máy bay của các chuyến bay trong tháng 12/2011. VietNam Airlines sẽ ghi nhận tiền bán vé này vào doanh thu của tháng 9 hay tháng 12 năm 2011?

f. Công ty ABC chuyên mua bán các thiết bị điện tử. Trường hợp giá của các thiết bị này trên thị trường giảm so với giá đã mua trước đây thì doanh nghiệp có nên lập dự phòng giảm giá các thiết bị điện tử này không?

g. Công ty NTA có tổng doanh thu trong năm 2011 là 5.000 tỷ đồng. Báo cáo tài chính năm 2011 công ty đã gửi các cơ quan chức năng theo qui định. Tuy nhiên, sau đó, kế toán công ty phát hiện đã bỏ sót không ghi nhận một khoản doanh thu tiền lãi không kỳ hạn của năm 2011 với số tiền là 2 triệu đồng. Kế toán công ty có cần thiết phải lập lại báo cáo tài chính để bổ sung khoản doanh thu bị bỏ sót này không?

Chương 2: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bài 1: Căn cứ các tài liệu ở các bài tập 1 của chương 1, Hãy lập bảng cân đối kế toán của công ty NAH tại ngày 31/12/201x.

Bài 2: Công ty ABC có tài liệu về các đối tượng kế toán vào đầu tháng 1/201x như sau (đơn vị tính: triệu đồng):

- Tiền mặt:	100
- Tiền gửi ngân hàng:	150
- Phải trả người bán:	125
- Nguyên vật liệu:	120
- Nguồn vốn kinh doanh:	1.505
- Tài sản cố định hữu hình:	1.150
- Hao mòn TSCĐ	150
- Thành phẩm:	250
- Vay ngắn hạn:	115
- Hàng hóa	20
- Lợi nhuận chưa phân phối	45

Trong tháng có phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau:

1. Chủ sở hữu góp thêm vốn bằng tiền gửi ngân hàng là 500.
2. Trả tiền mặt mua nguyên vật liệu 50.
3. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 100.
4. Dùng lợi nhuận để trích lập quỹ đầu tư phát triển là 30.

Yêu cầu:

- a. Lập bảng cân đối kế toán đầu tháng.
- b. Lập bảng cân đối kế toán cuối tháng.

Bài 3: Hoàn thành bảng cân đối kế toán sau đây của công ty NXT bằng cách điền vào các ô có dấu ???

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 201x

DVT: đồng

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
A. Tài sản ngắn hạn	???	A. Nợ phải trả	110.000.000
- Tiền mặt	20.000.000	- Vay ngắn hạn:	???
- TGNH	70.000.000	- Phải trả người bán	35.000.000
- Phải thu khách hàng	15.000.000	- Thuế phải nộp Nhà nước	15.000.000
- Nguyên vật liệu	???	- Phải trả người lao động	8.000.000
- Thành phẩm	50.000.000		
B. Tài sản dài hạn	420.000.000	B. Vốn chủ sở hữu	???
- TSCĐHH	460.000.000	- Nguồn vốn kinh doanh	400.000.000
- Hao mòn TSCĐ	???	- Quỹ dự phòng tài chính	???
		- LN chưa phân phối	40.000.000
Tổng cộng	600.000.000	Tổng cộng	???

Bài 4: Doanh nghiệp NAH có tài liệu phát sinh trong quý 3/201x như sau (đơn vị tính: đồng):

- Doanh thu bán hàng:	980.000.000
- Hàng bán bị trả lại:	30.000.000
- Giá vốn hàng bán:	650.000.000
- Chi phí bán hàng:	45.000.000
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	50.000.000
- Doanh thu hoạt động tài chính:	70.000.000
- Chi phí tài chính:	28.000.000
- Thu nhập khác:	155.000.000
- Chi phí khác:	110.000.000

Yêu cầu: Lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh quý 3/201x của

công ty NAH.

Bài 5: Hoàn thành báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 201x sau đây của công ty NXT bằng cách điền vào các ô có dấu ???

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 201x

ĐVT: đồng

Chương 3: TÀI KHOẢN VÀ GHI SỔ KÉP

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	???
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	50.000.000
3. Doanh thu thuần	750.000.000
4. Giá vốn hàng bán	???
5. Lợi nhuận gộp	250.000.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	100.000.000
7. Chi phí tài chính	???
8. Chi phí bán hàng	60.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.000.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	???
11. Thu nhập hoạt động khác	120.000.000
12. Chi phí hoạt động khác	???
13. Lợi nhuận hoạt động khác	100.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	300.000.000

Bài 1: Đầu tháng, số dư tiền mặt tồn quỹ là 100.000.000 đ. Trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Chi tiền mặt mua nguyên liệu nhập kho 60.000.000 đ.
2. Nhập quỹ tiền mặt 50.000.000đ do khách hàng thanh toán nợ.
3. Chi tiền mặt trả nợ cho người bán 20.000.000đ.
4. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 150.000.000đ.
5. Dùng tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn 90.000.000đ.
6. Bán hàng thu bằng tiền mặt 15.000.000đ.

Yêu cầu: Hãy mở, ghi và khoá sổ tài khoản “Tiền mặt”.

Bài 2: Đầu tháng, tài khoản “Vay ngắn hạn” có số dư là 200.000.000đ. Trong tháng phát

sinh các nghiệp vụ sau:

1. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 150.000.000đ.
2. Vay ngắn hạn mua hàng hoá về nhập kho trị giá 130.000.000đ.
3. Chi tiền mặt trả nợ vay ngắn hạn 90.000.000đ.
4. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 50.000.000đ.
5. Dùng tiền gửi ngân hàng thanh toán nợ vay ngắn hạn 75.000.000đ.

Yêu cầu: Hãy mở, ghi, và khoá sổ tài khoản “Vay ngắn hạn”.

Bài 3: Tại một doanh nghiệp trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 160.000.000đ.
2. Khách hàng trả nợ 30.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng.
3. Nhập kho lô hàng hoá trị giá 150.000.000đ thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.
4. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác 15.000.000đ.
5. Mua một thiết bị sản xuất trị giá 200.000.000đ thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.
6. Chi tiền mặt mua công cụ dụng cụ trị giá 12.000.000đ.
7. Bán hàng thu bằng tiền mặt 12.000.000đ.
8. Mua nguyên liệu nhập kho chưa thanh toán người bán 20.000.000đ.
9. Chi tiền mặt trả lương cho nhân viên 46.000.000đ.
10. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ cho nhà cung cấp 28.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài 4: Tại một doanh nghiệp trong tháng phát sinh các nghiệp vụ sau:

1. Vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ cho người bán 50.000.000đ.
2. Được cấp một tài sản cố định hữu hình trị giá 850.000.000đ.
3. Mua nguyên vật liệu chưa thanh toán cho người bán 54.000.000đ.
4. Chi tiền mặt 25.000.000đ để thanh toán các khoản phải trả khác.
5. Dùng lãi bổ sung quỹ đầu tư phát triển 40.000.000đ.
6. Chủ sở hữu góp thêm vốn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng 500.000.000đ.

7. Dùng tiền gửi ngân hàng thanh toán các khoản cho nhà nước 25.000.000đ.

8. Mua công cụ nhập kho chưa thanh toán cho người bán 10.000.000đ.

9. Dùng tiền gửi ngân hàng trả lương cho nhân viên 70.000.000đ.

10. Vay ngắn hạn 50.000.000đ gửi vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ trên.

Bài 5: Tại một doanh nghiệp có tình hình như sau:

1. Nhập kho nguyên vật liệu 90.000.000đ, công cụ 3.000.000đ chưa thanh toán cho người bán.

2. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi mua hàng 20.000.000đ, và trả các khoản phải trả khác 15.000.000đ.

3. Vay ngắn hạn ngân hàng để trả nợ cho người bán 80.000.000đ, và thanh toán cho nhà nước 20.000.000đ.

4. Dùng lợi nhuận để bổ sung quỹ đầu tư phát triển 40.000.000đ, quỹ dự phòng tài chính 20.000.000đ.

5. Cổ đông góp vốn cho doanh nghiệp bằng tiền mặt 50.000.000đ, bằng tiền gửi ngân hàng 250.000.000đ.

6. Xuất kho vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm 75.000.000đ, phục vụ phân xưởng 15.000.000đ.

7. Tiền lương phải thanh toán trong tháng của công nhân sản xuất 53.000.000đ, nhân viên phân xưởng 17.000.000đ.

8. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 100.000.000đ, và nhập quỹ tiền mặt 30.000.000đ.

9. Khách hàng trả nợ cho doanh nghiệp 50.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng, 10.000.000đ bằng tiền mặt.

10. Nhập kho công cụ mua bằng tiền tạm ứng 12.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

Bài 7: Tại một doanh nghiệp có tình hình như sau:

1. Mua nguyên vật nhập kho trị giá 80.000.000đ, thanh toán bằng chuyển khoản 50%, phần còn lại nợ người bán.

2. Chi tiền mặt 100.000.000đ nộp vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.

3. Khách hàng thanh toán nợ 15.000.000đ bằng tiền mặt, 45.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng.

4. Bán hàng thu bằng tiền mặt 18.000.000đ.

5. Vay ngắn hạn thanh toán lương cho nhân viên 50.000.000đ, trả các khoản phải trả khác 10.000.000đ.

6. Dùng lãi bổ sung quỹ dự phòng tài chính 15.000.000đ, quỹ đầu tư phát

triển 50.000.000đ.

7.Cổ đông góp vốn cho doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng 500.000.000đ.

8.Chi tiền mặt trợ cấp cho nhân viên do quỹ phúc lợi đài thọ 10.000.000đ.

9.Mua một phương tiện vận tải trị giá 700.000.000đ, thanh toán bằng vay dài hạn.

10. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 18.000.000đ, trả nợ người bán 35.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

Bài 7: Hãy chọn các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong bài 4 để gộp lại thành định khoản phức tạp và nêu nội dung.

Bài 8: Doanh nghiệp mới thành lập với số vốn ban đầu do các cổ đông đóng góp như sau:

-Tài sản cố định hữu hình trị giá 600.000.000đ.

-Tiền gửi ngân hàng 400.000.000đ.

Trong tháng hoạt động đầu tiên có các nghiệp vụ phát sinh sau:

1.Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 50.000.000đ.

2.Mua hàng hoá về nhập kho trị giá 70.000.000đ chưa thanh toán người bán

3.Dùng tiền mặt mua công cụ nhập kho trị giá 5.000.000đ.

4.Thanh toán nợ cho người bán bằng tiền gửi ngân hàng 50.000.000đ.

5.Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên 15.000.000đ.

Yêu cầu:

-Lập bảng cân đối kế toán tại thời điểm mới thành lập.

-Định khoản các nghiệp vụ trên và phản ánh vào sơ đồ tài khoản liên quan.

-Lập bảng cân đối tài khoản cho tháng đầu tiên.

-Lập bảng cân đối kế toán tại thời điểm cuối tháng hoạt động đầu tiên.

Bài 9: Tại một doanh nghiệp có tình hình như sau:

Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/201x

(Đơn vị tính: đồng)

Tài sản	Số tiền	Nguồn vốn	Số tiền
A: Tài sản ngắn hạn		A: Nợ phải trả	
1. Tiền mặt	40.000.000	1. Vay ngắn hạn:	50.000.000
2. TGNH	50.000.000	2. Phải trả người bán	30.000.000
3. Phải thu khách hàng	20.000.000	3. Phải trả người lao động	20.000.000
4. Nguyên vật liệu	30.000.000	4. Phải trả khác	10.000.000
5. Thành phẩm	30.000.000		
6. CPSXKDDD	10.000.000		
B: Tài sản dài hạn		B. Vốn chủ sở hữu	
1. TSCĐHH	460.000.000	1. Nguồn vốn kinh doanh	450.000.000
2. Hao mòn TSCĐ	(20.000.000)	2. Quỹ đầu tư phát triển	30.000.000
		3. LN chưa phân phối	30.000.000
Tổng cộng	620.000.000	Tổng cộng	620.000.000

Trong tháng 1/2011 có các nghiệp vụ phát sinh sau:

1. Dùng tiền mặt trả nợ người bán 20.000.000đ, các khoản phải trả khác 5.000.000đ.
2. Nhập kho nguyên vật liệu 20.000.000đ, công cụ trị giá 5.000.000đ chưa thanh toán người bán.
3. Dùng lãi bổ sung quỹ đầu tư phát triển 10.000.000đ, quỹ dự phòng tài chính 10.000.000đ.
4. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 30.000.000đ.
5. Chủ sở hữu góp vốn cho doanh nghiệp bằng một tài sản cố định hữu hình trị giá 300.000.000đ.
6. Khách hàng thanh toán nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt 10.000.000đ.
7. Chi tiền mặt trả lương cho người lao động 20.000.000đ.
8. Vay ngắn hạn ngân hàng 50.000.000đ đem về nhập quỹ tiền mặt.
9. Chi tiền mặt trả nợ cho người bán 15.000.000đ, tạm ứng nhân viên mua hàng 10.000.000đ.
10. Chi tiền mặt nộp vào ngân hàng 20.000.000đ.

Yêu cầu:

- Mở tài khoản vào đầu tháng 1/201x.
- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào sơ đồ tài

khoản.

-Lập bảng cân đối số phát sinh tháng 1/201x.

-Lập bảng cân đối kế toán vào ngày 31/01/201x.

Bài 10: Tại một doanh nghiệp có số dư trên một số tài khoản vào ngày 31/01/201x như sau:

Đơn vị tính: đồng

Tiền mặt	40.000.000	TGNH	70.000.000
Vay ngắn hạn	80.000.000	Tạm ứng	20.000.000
Phải thu khách hàng	40.000.000	Phải trả nhà cung cấp	50.000.000
Nguyên vật liệu	30.000.000	TSCĐ hữu hình	540.000.000
Nguồn vốn kinh doanh	X	Quỹ đầu tư phát triển	30.000.000
Lãi chưa phân phối	40.000.000	Hàng hoá	60.000.000

Trong tháng 2/201x có các nghiệp vụ phát sinh như sau:

1. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ vay ngắn hạn 30.000.000đ, trả nhà cung cấp 10.000.000đ.

2. Nhập kho vật liệu 30.000.000đ thanh toán bằng tiền mặt

3. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 20.000.000đ.

4. Khách hàng thanh toán nợ bằng chuyển khoản 30.000.000đ.

5. Dùng lãi bổ sung quỹ dự phòng tài chính 10.000.000đ, quỹ đầu tư phát triển 10.000.000đ.

6. Nhập kho dụng cụ trị giá 12.000.000đ thanh toán bằng tạm ứng.

7. Mua hàng hoá trị giá 20.000.000đ chưa thanh toán cho người bán.

8. Nhận vốn góp của cổ đông trị giá 100.000.000đ bằng chuyển khoản.

9. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 30.000.000đ.

10. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ cho người bán 40.000.000đ

Yêu cầu:

-Tìm X.

-Lập bảng cân đối kế toán ngày 31/01/201x.

-Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào sơ đồ tài khoản liên quan.

-Lập bảng cân đối tài khoản tháng 2/201x.

-Lập bảng cân đối kế toán cuối tháng 2/201x.

Bài 11: Số dư đầu tháng 01/201x tài khoản “Nguyên vật liệu” như sau:

-Vật liệu chính (A): 30.000.000đ (chi tiết 1.000kg)

-Vật liệu phụ (B): 10.000.000đ (chi tiết 1.000kg)

Trong tháng 1/201x có các nghiệp vụ phát sinh liên quan như sau:

1. Nhập kho 3.000kg vật liệu chính A với giá mua 32.000đ/kg, chưa thanh toán cho người bán.

2. Mua 1.500kg vật liệu phụ B nhập kho với giá mua 12.000đ/kg, thanh toán bằng chuyển khoản.

3. Xuất kho 3.200kg vật liệu chính A để sản xuất sản phẩm với giá xuất kho là 31.500đ/kg.

4. Xuất kho 1.000kg vật liệu phụ B để sản xuất sản phẩm, với giá xuất kho là 12.000đ/kg.

5. Nhập kho 1.000kg vật liệu chính A với giá mua 31.000đ/kg, thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu:

- Mở tài khoản và ghi sổ chi tiết đầu tháng 1/201x.

- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào sơ đồ tài khoản.

- Lập bảng tổng hợp chi tiết.

Bài 12: Số dư đầu tháng 3/201x của tài khoản “Phải thu khách hàng” là 90.000.000đ, cụ thể như sau:

- Phải thu khách hàng A: 10.000.000đ (dư Nợ)

- Phải thu khách hàng B: 50.000.000đ (dư Nợ)

- Phải thu khách hàng C: 30.000.000đ. (dư Nợ)

Trong tháng 3/201x có phát sinh các nghiệp vụ liên quan như sau:

1. Bán cho khách hàng C một số hàng hóa với giá bán 40.000.000đ. Khách hàng C thanh toán 50% bằng tiền mặt, phần còn lại trả chậm.

2. Khách hàng B thanh toán nợ bằng chuyển khoản 50.000.000đ.

3. Bán cho khách hàng A một số thành phẩm với giá bán 34.000.000đ, khách hàng A chưa thanh toán.

4. Khách hàng A thanh toán 32.000.000 đ bằng chuyển khoản.

Yêu cầu:

- Mở tài khoản và ghi vào sổ chi tiết đầu tháng 3/201x.

- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào sơ đồ tài khoản có liên quan.

- Lập bảng tổng hợp chi tiết.

Bài 13: Số dư đầu tháng 3/201x của tài khoản “Phải trả người bán” là 150.000.000đ, chi tiết như sau:

- Phải trả người bán X: 50.000.000đ (dư Có)

- Phải trả người bán Y: 100.000.000đ (dư Có)

Trong tháng 3/201x có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Dùng tiền gửi ngân hàng trả nợ cho người bán Y 80.000.000đ.

2. Chi tiền mặt trả nợ người bán X 30.000.000đ.

3. Mua nguyên liệu nhập kho trị giá 100.000.000đ thanh toán cho người bán

Y 70.000.000đ, phần còn lại trả chậm.

4. Mua công cụ trị giá 5.000.000đ chưa thanh toán cho người bán X.

Yêu cầu:

- Mở tài khoản và ghi vào sổ chi tiết đầu tháng 3/201x.

- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và phản ánh vào sơ đồ tài khoản có liên quan.

- Lập bảng tổng hợp chi tiết.

Chương 5: TÍNH GIÁ CÁC ĐỐI TƯỢNG KẾ TOÁN

Bài 1. Công ty HaDo có mức tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ (chiếc) cho năm 200x như sau:

	01/01/200x	31/12/200x
Nguyên vật liệu trực tiếp	35.000	47.000
Thành phẩm	78.000	69.000

Yêu cầu:

1. Công ty HaDo trong năm bán được 480.000 đơn vị sản phẩm trong năm, giá thành 1 sản phẩm nhập kho là 2.000 đồng, hãy tính trị giá sản phẩm công ty nhập kho trong năm.

2. Công ty sản xuất 500.000 sản phẩm trong năm, hãy tính số lượng nguyên vật liệu trực tiếp công ty mua vào trong năm. Biết rằng 2 đơn vị nguyên vật liệu sẽ được dùng để sản xuất 1 đơn vị sản phẩm.

Bài 2.

Các giao dịch liệt kê dưới đây liên quan đến công ty CoHa CoBa. Hãy cho biết mỗi giao dịch sau có dẫn đến một tài sản của công ty không. Nếu kế toán công nhận là tài sản, hãy cho biết loại của tài sản và giá gốc của nó.

a. Công ty chế tạo một sản phẩm cho mục đích bán, sản phẩm đã hoàn thành nhập kho chờ bán. Chi phí chế tạo bao gồm chi phí nguyên vật liệu 200.000, chi phí nhân công 120.000 và các chi phí khác 100.000.

b. Công ty mua một tòa nhà sử dụng cho mục đích làm việc, giá mua 10 tỷ, phí trước bạ 0,5% và chi phí môi giới 0,2% tính trên giá mua. Trước khi đưa vào sử dụng, công ty đã chi 100 triệu đồng để tu sửa. Thời gian sử dụng tòa nhà ước tính là 20 năm.

c. Công ty nhận được tài trợ từ công ty nước ngoài một dây chuyền sản xuất, giá thị trường của dây chuyền này là 1 tỷ đồng. Chi phí vận chuyển dây chuyền về nhà máy 20 triệu đồng, chi phí lắp đặt dây chuyền và vận hành thử trước khi sử dụng chính thức là 10 triệu đồng. Thời gian sử dụng dây chuyền ước tính là 5 năm.

d. Công ty nhận góp vốn một thiết bị sử dụng cho sản xuất, giá thị trường của thiết bị là 110 triệu đồng, giá trị còn lại của thiết bị trên sổ kế toán của bên

góp vốn là 90 triệu đồng. Khi góp vốn hai bên thỏa thuận giá trị tài sản này là 95 triệu đồng. Chi phí tân trang lại trước khi sử dụng là 5 triệu đồng. Thời gian sử dụng thiết bị là 3 năm.

Bài 3.

Trong tháng 3/200x, Công ty Hoàng Anh có phát sinh một số giao dịch liên quan đến việc mua, lắp đặt và đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất như sau:

-Ngày 12, Công ty Hoàng Anh mua một dây chuyền sản xuất, giá mua 100 triệu đồng, thuế GTGT 10% chưa thanh toán.

-Ngày 13, chi phí vận chuyển là 2 triệu đồng, thuế GTGT 5% thanh toán bằng tiền mặt.

-Ngày 14, dây chuyền được lắp đặt và chạy thử, chi phí phát sinh là 5 triệu đồng thanh toán bằng tiền mặt.

-Ngày 20, đưa dây chuyền vào sử dụng cho phân xưởng sản xuất, thời gian sử dụng ước tính 8 năm.

Yêu cầu:

1. Dây chuyền trên được ghi nhận là tài sản cố định hay không? Nếu có thì thời điểm nào ghi nhận là TSCĐ?

2. Tính nguyên giá TSCĐ trên. Giả sử các khoản thuế trên được khấu trừ.

3. Tính khấu hao một năm cho TSCĐ trên theo phương pháp đường thẳng.

4. Sau 6 năm sử dụng, dây chuyền trên đã được bán lại, thời gian trích khấu hao là 5 năm 10 tháng. Hãy tính giá trị còn lại của dây chuyền trên vào thời điểm bán lại.

Bài 4.

Ngày 1/8/2007, Công ty Gia Lai mua một lô đất cho mục đích làm kho chứa hàng, giá mua 1 tỷ đồng, chi phí môi giới và giao dịch 50 triệu đồng, phí trước bạ là 0,5% trên giá mua. Đất có thời hạn sử dụng lâu dài.

Yêu cầu:

1. Xác định nguyên giá của TSCĐ trên

2. Ngày 31/12/2010, lô đất trên được định giá là 10 tỷ đồng. Hãy cho biết trên bảng cân đối kế toán năm 2010 của Công ty Gia lai trình bày giá trị của lô đất trên là bao nhiêu? Giải thích? Cách trình bày như vậy có phù hợp không?

Bài 5.

Công ty Dị Nghị kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế. Vật liệu A tồn đầu tháng: 3.000.000; số lượng 100 kg.

- Ngày 4/12 mua 90kg VLA giá mua 2.610.000đ, thuế GTGT 10% thanh toán bằng tiền mặt. Đã nhập kho VLA.

- Ngày 10/12 mua 120kg VLA giá mua trên hóa đơn 3.640.000 thuế

GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển 200.000 thanh toán bằng tiền mặt. VLA đã làm thủ tục nhập kho.

- Ngày 15/12 xuất 200kg cho phân xưởng 1 để sản xuất sản phẩm.

- Ngày 20/12 mua 420kg VLA nhập kho giá trên hóa đơn 14.280.000đ, thuế GTGT 10% chưa thanh toán cho người bán, người bán đã chiết khấu 5% trên giá mua cho 420kg VLA công ty mua ngày 20/12.

- Ngày 26/12 xuất 500kg cho phân xưởng sản xuất số 2 để sản xuất sản phẩm.

Yêu cầu:

1. Tính đơn giá nhập kho vật liệu A vào các ngày 4/12, 10/12, 20/12

2. Tính giá vật liệu xuất kho theo 4 phương pháp FIFO, LIFO, Bình quân gia quyền

3. Tính giá vật liệu xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh. Biết rằng, ngày 15/12, xuất 110kg theo giá nhập kho ngày 10/12 và số còn lại theo giá nhập kho ngày 4/12, ngày 26/12, xuất kho 400kg theo giá nhập ngày 20/12, còn lại theo giá 1/12.

4. Trong các phương pháp trên thì phương pháp nào cho tài sản cao và chi phí thấp?

5. Vào ngày 31/12, giá bán ước tính của VLA là 25.000đồng/kg, chi phí liên quan đến bán ước tính là 5%. Hỏi giá trị thuần có thể thực hiện của VLA là bao nhiêu?

Bài 6.

Có số liệu về nhập xuất tồn hàng hóa A của doanh nghiệp trong tháng 8 năm 2006

Tồn đầu kỳ: 10 vật liệu A, đơn giá 10 đồng/1 vật liệu A

-Ngày 05: Nhập 20 đơn vị số lượng, đơn giá 15 đồng/1 vật liệu A

-Ngày 10: Nhập 10 đơn vị số lượng, đơn giá 12 đồng/1 vật liệu A

-Ngày 12: Xuất 15 đơn vị số lượng

-Ngày 15: Nhập 5 đơn vị số lượng, đơn giá 12 đồng/1 vật liệu A

-Ngày 17: Xuất 20 đơn vị số lượng

Yêu cầu:

Hãy điền số liệu vào bảng sau:

b. Phương pháp LIFO

Ngày	Nghịệp vụ	Nhập			Xuất			Tồn		
		SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
	Tồn đầu kỳ									
5/8										
10/8										
12/8										
15/8										
17/8										
	Cộng phát sinh									
	Tồn cuối kỳ									

c. Phương pháp bình quân

Ngày	Nghịệp vụ	Nhập			Xuất			Tồn		
		SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT	SL	ĐG	TT
	Tồn đầu kỳ									
5/8										
10/8										
12/8										
15/8										
17/8										
	Cộng phát sinh									
	Tồn cuối kỳ									

Chương 6: KẾ TOÁN CÁC QUÁ TRÌNH KINH DOANH CHỦ YẾU CỦA DOANH NGHIỆP

Bài 1: Tại doanh nghiệp sản xuất Thịnh Phát nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO), có các tài liệu liên quan đến hoạt động sản

xuất phát sinh trong kỳ như sau:

1. Mua vật liệu chính về nhập kho chưa trả tiền người bán, giá mua là 100.000.000đ, thuế GTGT 10%; chi phí vận chuyển vật liệu về nhập kho là 2.000.000đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Mua vật liệu phụ nhập kho, giá mua 46.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán cho người bán bằng chuyển khoản; chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt: giá cước 1.000.000 đ, thuế GTGT 5%.

3. Xuất kho vật liệu chính trị giá 58.000.000đ dùng để sản xuất sản phẩm.

4. Xuất kho vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm là 16.000.000đ, bộ phận phục vụ và quản lý phân xưởng sản xuất là 3.000.000đ.

5. Xuất kho công cụ dụng cụ trị giá 1.000.000đ sử dụng tại phân xưởng sản xuất, biết rằng công cụ dụng cụ này thuộc loại phân bổ 1 lần.

6. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất là 9.600.000đ.

7. Tiền lương phải trả công nhân viên tính vào chi phí:

- Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm là: 40.000.000đ.

- Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng: 8.000.000đ.

8. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định hiện hành.

9. Tiền điện, nước dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 4.920.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

10. Vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm A sử dụng không hết nhập lại kho nguyên vật liệu là 2.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Bài 2: Tại doanh nghiệp sản xuất Khôi Nguyên nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO). Có các tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất như sau:

I. Số dư đầu tháng 05/2009 của một số tài khoản:

-TK 1521 (Vật liệu chính): 37.840.000 đ (3.000 kg)

-TK 1522 (Vật liệu phụ): 15.600.000 đ (2.000 kg)

II. Trong tháng 05/2009 phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

1. Nhập kho 5.000kg vật liệu chính, giá mua chưa thuế GTGT là 12.000đ/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ chưa thuế GTGT là 2.960.000đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Nhập kho 4.000kg vật liệu phụ, giá mua chưa thuế GTGT là 7.800đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ chưa thuế GTGT là 2.400.000đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

3. Xuất kho 6.000kg vật liệu chính và 2.000kg vật liệu phụ dùng để sản

xuất sản phẩm.

4. Xuất kho 1.000kg vật liệu phụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.

5. Xuất kho công cụ, dụng cụ dùng ở bộ phận bán hàng, trị giá gốc 7.500.000đ, công cụ này thuộc loại phân bổ 3 lần, bắt đầu phân bổ từ kỳ này.

6. Tính tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất trực tiếp 45.000.000đ, bộ phận quản lý phân xưởng 12.000.000đ, bộ phận bán hàng 15.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 9.000.000đ.

7. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định hiện hành.

8. Trích khấu hao TSCĐ trong tháng như sau:

-TSCĐ dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm:	7.000.000đ.
-TSCĐ sử dụng phục vụ quản lý sản xuất:	2.500.000đ.
-TSCĐ sử dụng ở bộ phận bán hàng:	3.000.000đ.
-TSCĐ sử dụng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp:	2.500.000đ.

9. Khoản chi phí khác phát sinh tại phân xưởng sản xuất chưa có thuế GTGT là 6.500.000đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

Bài 3: Công ty ABC nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, có tài liệu sau:

+ Số dư đầu tháng của TK 154: 36.000.000đ.

+ Trong tháng có phát sinh các nghiệp vụ kinh tế sau:

1. Xuất kho nguyên vật liệu chính trị giá 425.000.000đ dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm.

2. Xuất kho nguyên vật liệu phụ trị giá 47.000.000đ dùng sản xuất sản phẩm và 29.000.000đ dùng phục vụ quản lý ở phân xưởng sản xuất.

3. Tính tiền lương phải trả trong tháng cho công nhân sản xuất là 95.000.000đ, nhân viên quản lý phân xưởng là 34.000.000đ.

4. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ qui định hiện hành.

5. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất 24.000.000đ.

6. Tiền điện, nước sử dụng ở phân xưởng sản xuất đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng với giá hóa đơn chưa có thuế GTGT là 10.200.000đ, thuế GTGT 10%.

7. Xuất kho công cụ dụng cụ (loại phân bổ 1 lần) trị giá 4.500.000đ sử dụng ở phân xưởng sản xuất.

8. Sản phẩm hoàn thành trong tháng được nhập kho 250 sản phẩm, biết rằng chi phí sản xuất dở dang cuối tháng là 42.500.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

Bài 4: Tại doanh nghiệp sản xuất Thịnh Phát, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá

xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn, có các tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất như sau:

A. Số dư đầu kỳ của tài khoản 154: 8.320.000đ

B. Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

1. Mua vật liệu chính về nhập kho chưa trả tiền người bán, giá mua là 130.000.000 đ, thuế GTGT 10%; chi phí vận chuyển vật liệu về nhập kho là 2.600.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Mua vật liệu phụ nhập kho, giá mua 59.800.000 đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán cho người bán bằng chuyển khoản; chi phí vận chuyển chi trả bằng tiền mặt: giá cước 1.300.000 đ, thuế GTGT 5%.

3. Xuất kho vật liệu chính dùng để sản xuất sản phẩm là 117.000.000đ.

4. Xuất kho vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm là 31.200.000đ, bộ phận phục vụ và quản lý phân xưởng sản xuất là 3.900.000 đ.

5. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở bộ phận sản xuất là 12.480.000đ.

6. Tiền lương phải trả của công nhân viên tính vào chi phí:

- Tiền lương của công nhân sản xuất sản phẩm là : 52.000.000đ.

- Tiền lương của nhân viên quản lý phân xưởng là : 10.400.000đ.

7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định hiện hành.

8. Tiền điện, nước, điện thoại: dùng vào việc sản xuất và quản lý sản xuất tại phân xưởng là 6.396.000đ, thuế GTGT 10%, tất cả đã thanh toán bằng tiền mặt.

9. Vật liệu dùng để sản xuất sản phẩm sử dụng không hết đem nhập lại kho trị giá 3.200.000đ.

10. Báo cáo kết quả sản xuất: nhập kho 10.000 sản phẩm. Biết rằng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 24.584.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Bài 5: Tại doanh nghiệp sản xuất Mặt Trời nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO), có các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh như sau:

I. Số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

- TK 152: 78.000.000đ (3.000 kg)

- TK 154: 45.000.000đ

II. Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

1. Nhập kho 5.000 kg vật liệu, giá mua chưa thuế GTGT là 25.800 đ/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ 2.000.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Xuất kho 7.000kg vật liệu dùng trực tiếp sản xuất sản phẩm.
3. Xuất kho 200kg vật liệu dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.
4. Xuất kho công cụ, dụng cụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng, trị giá gốc 2.400.000đ, công cụ này thuộc loại phân bổ 3 lần.
5. Tính tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất trực tiếp 35.000.000đ, bộ phận quản lý phân xưởng 8.000.000đ.
6. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ quy định qui định hiện hành.
7. Khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất 5.000.000đ.
8. Khoản chi khác phát sinh tại phân xưởng sản xuất thanh toán bằng tiền mặt là 3.000.000đ, thuế GTGT 10%.
9. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 5.000 sản phẩm đã nhập kho. Biết rằng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 24.300.000 đ.

Yêu cầu:

-Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ và phản ánh vào các TK 154, 621, 622, 627.

Bài 6: Tại doanh nghiệp sản xuất Khôi Nguyên nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp đơn giá bình quân cuối kỳ có các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh như sau:

1. Số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

- TK 1521 (Vật liệu chính): 31.200.000 đ (3.000 kg)
- TK 1522 (Vật liệu phụ): 12.800.000 đ (2.000 kg)
- TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”: 20.000.000 đ

2. Trong kỳ phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

1. Nhập kho 5.000 kg vật liệu chính, giá mua 11.000 đ/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ 2.600.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

2. Nhập kho 4.000 kg vật liệu phụ, giá mua 6.500 đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ 2.000.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

3. Xuất kho 6.000 kg vật liệu chính và 2.000 kg vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm.

4. Xuất kho 1.000 kg vật liệu phụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.

5. Xuất kho công cụ, dụng cụ dùng ở bộ phận bán hàng, trị giá gốc 6.000.000đ, công cụ này thuộc loại phân bổ 3 lần, bắt đầu phân bổ từ kỳ này.

6. Tính tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất trực tiếp 36.000.000đ, bộ phận quản lý phân xưởng 12.000.000 đ, bộ phận bán hàng 9.600.000đ, bộ

phần quản lý doanh nghiệp 7.200.000 đ.

7. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định hiện hành.

8. Khấu hao TSCĐ trong tháng tổng cộng là 12.000.000đ, phân bổ như sau: phân xưởng sản xuất 8.000.000 đ, bộ phận bán hàng 2.400.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.600.000đ.

9. Khoản chi khác phát sinh tại phân xưởng sản xuất thanh toán bằng tiền mặt: giá chưa có thuế GTGT là 5.600.000đ, thuế GTGT 10%.

10. Vật liệu chính dùng để sản xuất sản phẩm sử dụng không hết đem nhập kho trị giá 3.200.000đ.

11. Trong kỳ sản xuất hoàn thành 8.000 sản phẩm đã nhập kho. Biết rằng chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 15.000.000đ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

Bài 7: Công ty Hương Hoa hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập sau – Xuất trước (LIFO), chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có tài liệu liên quan đến hoạt động trong kỳ như sau:

A. Số dư đầu tháng 4/2010 của một số tài khoản:

- TK 1521 (Nguyên liệu chính) : 70.000.000 đ (2.000 kg)
- TK 1522 (Vật liệu phụ) : 14.000.000 đ (1.000 kg)
- TK 154: 37.000.000 đ

B. Trong tháng 4/2010 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Mua nhập kho 2.000kg nguyên liệu chính và 500kg vật liệu phụ với đơn giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 36.000đ/kg nguyên liệu chính và 14.800đ/kg vật liệu phụ, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển đã trả bằng tiền tạm ứng: giá cước chưa có thuế GTGT là 2.500.000đ, thuế GTGT 10%; biết rằng chi phí vận chuyển phân bổ cho nguyên liệu chính 2.000.000đ, vật liệu phụ 500.000đ.

2. Xuất kho 3.000 kg nguyên liệu chính và 800 kg vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm

3. Mua nhập kho 3.000kg nguyên liệu chính và 1.000kg vật liệu phụ với đơn giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 36.500đ/kg nguyên liệu chính và 15.600đ/kg vật liệu phụ, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán.

4. Xuất kho 3.000 kg nguyên liệu chính và 1.000 kg vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm.

5. Xuất kho 200 kg vật liệu phụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng sản xuất.

6. Xuất kho công cụ dụng cụ trị giá 4.000.000đ sử dụng ở phân xưởng sản xuất, công cụ dụng cụ này thuộc loại phân bổ 4 kỳ, bắt đầu phân bổ từ kỳ này.

7. Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm là 120.000.000đ, nhân viên quản lý phân xưởng là 20.000.000đ.
8. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ qui định hiện hành.
9. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất là 8.050.000đ.
10. Tiền điện, nước, điện thoại đã thanh toán bằng TGNH: giá chưa thuế GTGT là 7.200.000đ, thuế GTGT 10%.
11. Trong kỳ doanh nghiệp sản xuất hoàn thành nhập kho 5.000 sản phẩm.

Biết rằng:

- Chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ là 20.000.000đ.
- Phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất 650.000đ, đã nhập kho.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài 8: Tại doanh nghiệp Mai Hòa nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, có các tài liệu sau:

1. Xuất kho thành phẩm bán trực tiếp cho khách hàng với giá xuất kho 50.000.000đ, giá bán chưa có thuế GTGT là 65.000.000đ, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán.
2. Nhập kho thành phẩm từ quá trình sản xuất trị giá 120.000.000đ.
3. Xuất kho thành phẩm bán trực tiếp cho khách hàng với giá xuất kho 100.000.000đ, giá bán chưa có thuế GTGT là 140.000.000đ, thuế GTGT 10%, đã thu tiền mặt.
4. Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận bán hàng 200.000 đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp 300.000 đ; biết rằng các công cụ dụng cụ này thuộc loại phân bổ 1 lần.
5. Tính lương phải trả cho bộ phận bán hàng là 10.000.000 đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 12.000.000 đ.
6. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ quy định.
7. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở bộ phận bán hàng là 3.000.000 đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp 2.000.000 đ.
8. Chi phí tiền điện, nước, điện thoại chưa gồm thuế GTGT sử dụng ở bộ phận bán hàng là 1.000.000 đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 800.000 đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Yêu cầu:

- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.
- Cuối kỳ, kết chuyển doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.

Bài 9: Tại doanh nghiệp sản xuất Nguyên Thủy nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ; kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO), có các tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

I.Số dư đầu tháng 05/2010 của một số tài khoản:

- TK 1521 (Vật liệu chính): 37.440.000 đ (3.000 kg)
- TK 1522 (Vật liệu phụ): 15.360.000 đ (2.000 kg)
- TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” : 20.000.000 đ
- TK 155 “Thành phẩm”: 49.200.000 đ (2.000 sản phẩm)

II.Trong tháng 05/2010 phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

1. Nhập kho 5.000 kg vật liệu chính, giá mua chưa thuế GTGT là 12.000 đ/kg, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho người bán. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ chưa thuế GTGT là 3.000.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

2.Nhập kho 4.000 kg vật liệu phụ, giá mua chưa thuế GTGT là 7.800 đ/kg, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ chưa thuế GTGT là 2.400.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

3.Xuất kho 6.000 kg vật liệu chính và 2.000 kg vật liệu phụ dùng để sản xuất sản phẩm A.

4.Xuất kho 1.000 kg vật liệu phụ dùng ở bộ phận quản lý phân xưởng.

5. Xuất kho công cụ, dụng cụ dùng ở bộ phận bán hàng, trị giá gốc 7.200.000 đ, công cụ này thuộc loại phân bổ 3 lần, bắt đầu phân bổ từ kỳ này.

6. Tính tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất trực tiếp 43.200.000 đ, bộ phận quản lý phân xưởng 14.400.000 đ, bộ phận bán hàng 11.500.000 đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 8.600.000 đ.

7. Trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ quy định (kể cả phần trừ lương công nhân viên).

8. Khấu hao TSCĐ trong tháng tổng cộng là 14.300.000 đ, phân bổ như sau: phân xưởng sản xuất 9.600.000 đ, bộ phận bán hàng 2.800.000 đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.900.000 đ.

9. Khoản chi phí khác phát sinh tại phân xưởng sản xuất chưa có thuế GTGT là 6.720.000 đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền mặt.

10. Trong tháng sản xuất hoàn thành 8.000 sản phẩm đã nhập kho. Biết rằng chi phí sản xuất dở dang cuối tháng là 16.264.000 đ.

11. Xuất bán trực tiếp 7.000 sản phẩm với giá bán 38.000 đ/sản phẩm, thuế GTGT 10%, khách hàng chưa thanh toán tiền.

Yêu cầu:

-Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.

-Tính giá thành đơn vị sản phẩm A và xác định kết quả kinh doanh cuối tháng (thuế suất thuế TNDN là 25%).

Bài 10: Tại công ty thương mại Phát Đạt, kinh doanh 2 loại hàng hóa A và B, nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp

kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO), có các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh như sau:

A. Số dư đầu ngày 1/7/2010 của tài khoản 156 “Hàng hóa”: 190.000.000 đ, chi tiết:

- TK 156A: 90.000.000 đ (số lượng: 3.000 cái)
- TK 156B: 100.000.000 đ (số lượng: 2.000 cái)

B. Trong tháng 7/2010 phát sinh các nghiệp vụ kinh tế như sau:

12. Xuất kho 1.500 cái hàng A và 1.000 cái hàng B bán trực tiếp cho khách hàng, giá bán chưa có thuế GTGT lần lượt là 35.000 đ/cái hàng A và 58.000 đ/cái hàng B, thuế GTGT 10%; đã thu tiền bán hàng bằng tiền mặt.

13. Mua nhập kho 4.000 cái hàng A và 3.000 cái hàng B với giá mua chưa có thuế GTGT lần lượt là 30.500 đ/cái hàng A và 51.000 đ/cái hàng B, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho người bán. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ chưa gồm thuế GTGT là 3.500.000 đ, thuế GTGT 5%, đã thanh toán bằng tiền mặt; công ty phân bổ chi phí này cho hàng A và B theo tiêu thức số lượng.

14. Xuất kho bán chịu cho khách hàng 5.000 cái hàng A và 3.000 cái hàng B với giá bán chưa có thuế GTGT là 36.000 đ/cái hàng A và 60.000 đ/cái hàng B, thuế GTGT 10%.

15. Xuất kho công cụ dụng cụ sử dụng ở bộ phận bán hàng 300.000 đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp 250.000 đ; biết rằng các công cụ dụng cụ này thuộc loại phân bổ 1 lần.

16. Tính lương phải trả cho bộ phận bán hàng là 30.000.000 đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 15.000.000 đ.

17. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ quy định.

18. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng ở bộ phận bán hàng là 5.000.000 đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp 6.000.000 đ.

19. Chi phí tiền điện, nước, điện thoại chưa gồm thuế GTGT sử dụng ở bộ phận bán hàng là 2.000.000 đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 1.000.000 đ, thuế GTGT 10%, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Yêu cầu:

-Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

-Kết chuyển doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh của tháng 7/2010.

Chương 7: SỔ KẾ TOÁN VÀ CÁC HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN

Bài 1: Có số liệu bảng cân đối kế toán đầu kỳ (đơn vị tính: triệu đồng)

Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

- 1/ Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt 5.000.000 đồng
- 2/ Dùng tiền mặt để trả nợ người bán 200.000 đồng
- 3/ Dùng tiền mặt mua tài sản cố định hữu hình 5.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, chi phí vận chuyển 100.000 đồng, thuế GTGT 10%
- 4/ Dùng lợi nhuận chưa phân phối bổ sung nguồn vốn kinh doanh 3.000.000 đồng
- 5/ Mua hàng hóa chưa thanh toán tiền cho người bán 10.000.000 đồng, thuế GTGT 10%
- 6/ Xuất kho hàng hóa gửi đi bán, giá xuất kho 50.000.000 đồng
- 7/ Chi tiền mặt trả nợ người bán 11.000.000 đồng

TÀI SẢN	SỐ TIỀN	NGUỒN VỐN	SỐ TIỀN
A. Tài sản ngắn hạn		A. Nợ phải trả	
Tiền mặt	30	Phải trả cho người bán	150
Tiền gửi ngân hàng	100	B. Vốn chủ sở hữu	
Hàng hóa	200	Nguồn vốn kinh doanh	240
B. Tài sản dài hạn		Lợi nhuận chưa phân phối	40
TSCĐ hữu hình	150		
Hao mòn TSCĐHH	(50)		
Tổng cộng tài sản	430	Tổng cộng nguồn vốn	430

8/ Mua hàng hóa 3.000.000 đồng về nhập kho, chi phí vận chuyển 200.000 đồng, thuế GTGT 10% tất cả đã trả bằng tiền mặt

Yêu cầu: Định khoản, phản ánh tình hình trên theo hình thức Nhật ký chung

Bài 2: Doanh nghiệp có bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/20x1 như sau (đơn vị tính: triệu đồng)

TÀI SẢN	SỐ TIỀN	NGUỒN VỐN	SỐ TIỀN
A. Tài sản ngắn hạn		A. Nợ phải trả	
Tiền mặt	5	Vay ngắn hạn	7
Tiền gửi ngân hàng	15	Phải trả cho người bán	5
Hàng hóa	10	Thuế và các khoản phải nộp NN	3
Công cụ dụng cụ	1	Phải trả, phải nộp khác	2
Tạm ứng	0,5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	4
Phải thu của người mua	6	B. Vốn chủ sở hữu	
Phải thu khác	5	Nguồn vốn kinh doanh	40
B. Tài sản dài hạn		Quỹ đầu tư phát triển	10
TSCĐ hữu hình	50	Lợi nhuận chưa phân phối	7,5
Hao mòn TSCĐHH	(10)	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	4
Tổng cộng tài sản	82,5	Tổng cộng nguồn vốn	82,5

Trong tháng 1 năm 20x2 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1/ Doanh nghiệp mua một số hàng hóa chưa thanh toán cho người bán, trị giá 55.000.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 5.000.000 đồng.

2/ Doanh nghiệp dùng tiền mặt mua công cụ 500.000 đồng

3/ Doanh nghiệp vay ngắn hạn ngân hàng trả nợ người bán 30.000.000 đồng

4/ Doanh nghiệp thu khoản phải thu khác bằng tiền mặt là 500.000 đồng

5/ Doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng nộp nhà nước 1.000.000 đồng

6/ Doanh nghiệp xuất kho bán một số hàng hóa theo giá trị xuất kho là 40.000.000 đồng, giá bán chưa thuế là 48.000.000 đồng, thuế GTGT 10%, người mua nhận hàng tại kho của doanh nghiệp, trả $\frac{1}{2}$ bằng tiền mặt, $\frac{1}{2}$ còn lại nợ.

7/ Tiền điện phải trả là 550.000 đồng, trong đó thuế GTGT là 50.000 đồng, phân bổ tiền điện cho bộ phận quản lý là 200.000 đồng, bộ phận bán hàng là 300.000 đồng.

8/ Doanh nghiệp trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận quản lý 800.000 đồng, ở bộ phận bán hàng 600.000 đồng

9/ Doanh nghiệp trả chi phí tiếp khách ở bộ phận quản lý bằng tiền mặt là 100.000 đồng

10/ Tiền lương doanh nghiệp phải trả ở bộ phận quản lý là 1.000.000 đồng, ở bộ phận bán hàng là 800.000 đồng

11/ Doanh nghiệp trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo tỷ lệ tiền lương

12/ Doanh nghiệp được cấp 1 tài sản cố định hữu hình trị giá 15.000.000 đồng

13/ Doanh nghiệp chi quỹ phúc lợi bằng tiền gửi ngân hàng là 500.000 đồng

14/ Doanh nghiệp được người mua trả nợ 2.000.000 đồng, doanh nghiệp dùng tiền đó trả luôn nợ vay ngắn hạn ngân hàng

15/ Doanh nghiệp xuất công cụ cho bộ phận quản lý 400.000 đồng, phân bổ 1 tháng

16/ Khấu trừ thuế GTGT đầu vào để xác định số thuế còn lại

Yêu cầu: Định khoản và kết chuyển lãi (lỗ) của doanh nghiệp cuối kỳ. Hạch toán vào sổ sách theo hình thức Nhật ký chung